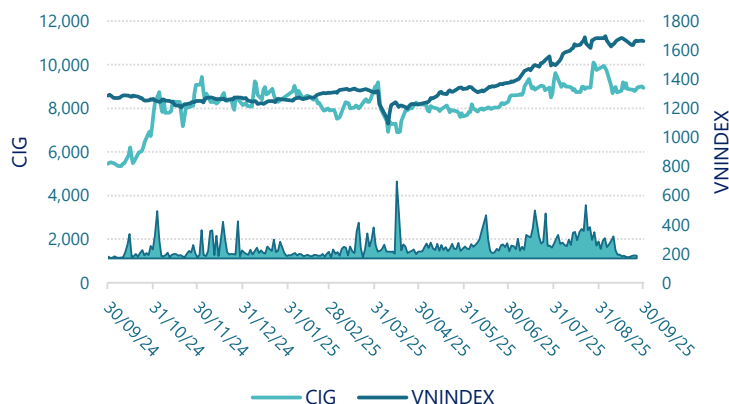


CTCP COMA 18 (HSX: CIG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,940
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,350
SL cổ phiếu LH	51,039,947
KLGD BQ 20 phiên (CP)	148,135
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	456
P/E	4.8
EPS	1,869

DT thuần

Q3/25

62.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼183 | -74.5%

YoY: ▲ 52.2 | 497%

LN sau thuế

Q3/25

9.81

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.0 | -52.8%

YoY: ▲ 8.63 | 731%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

15.7%

+/- YoY: ▲ 4.1%

DT thuần

9T 2025

383

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 317 | 480%

LN sau thuế

9T 2025

34.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 32.5 | 1329%

ROE

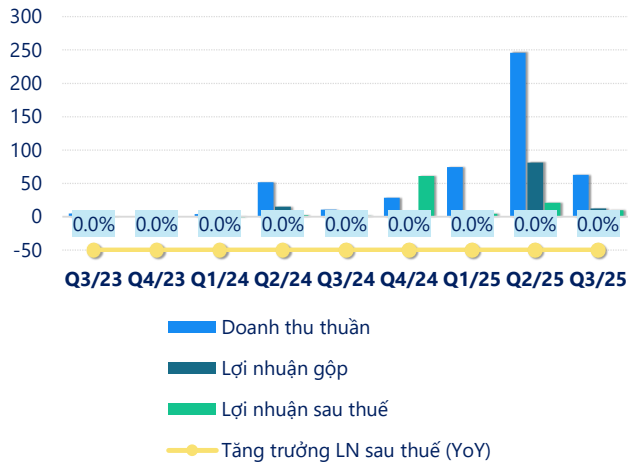
Q3/25

40.9%

#VALUE!

tỷ VNĐ

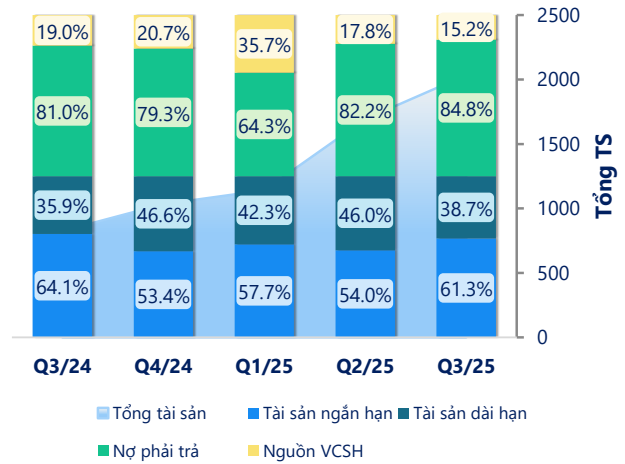
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

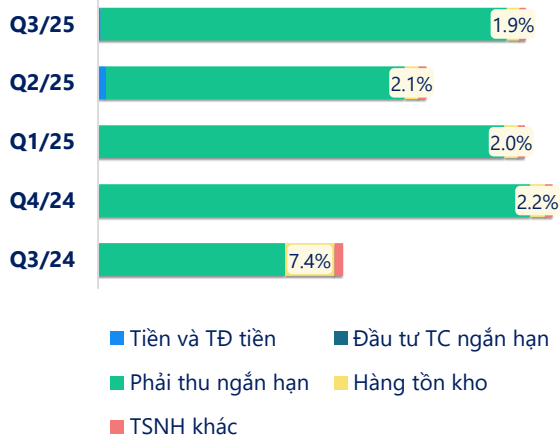
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



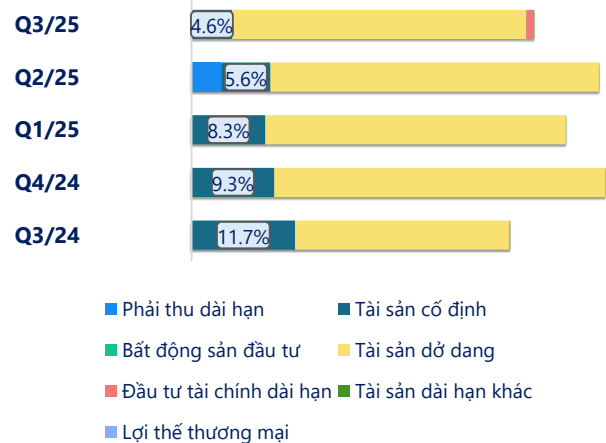
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

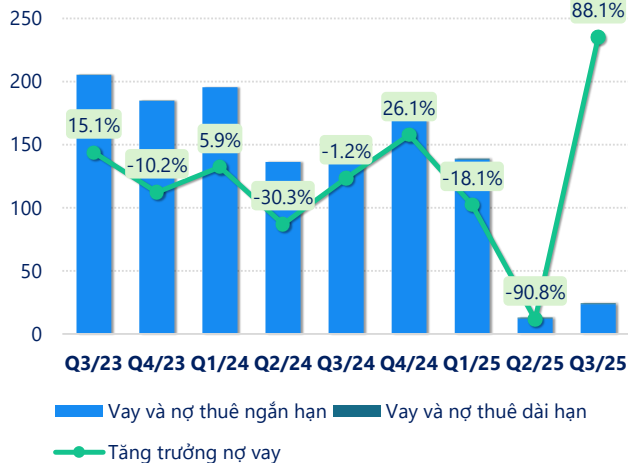
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

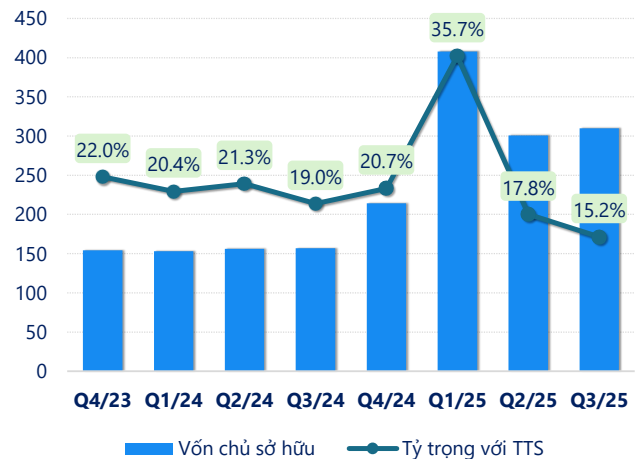
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

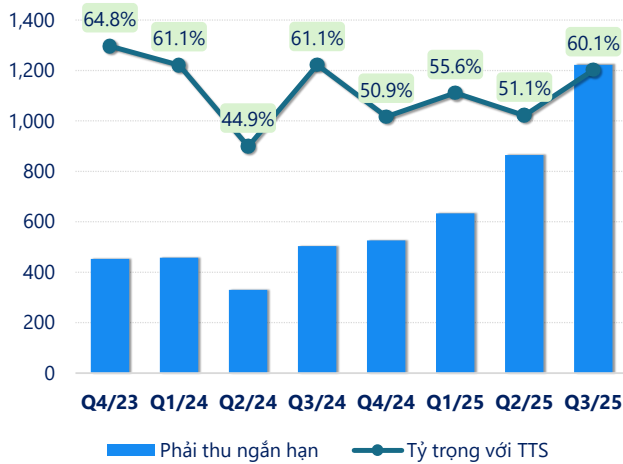
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



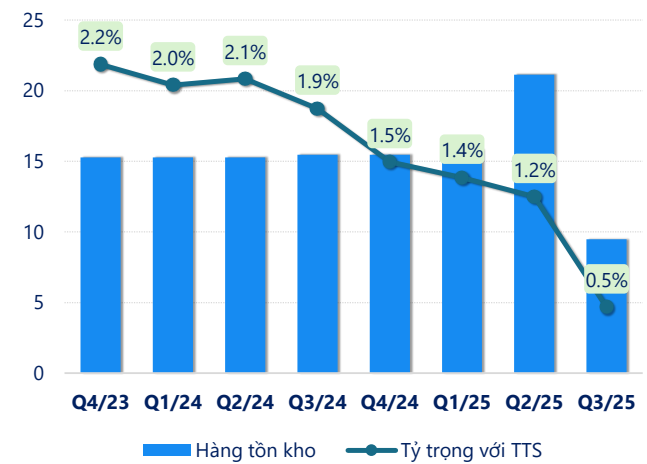
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


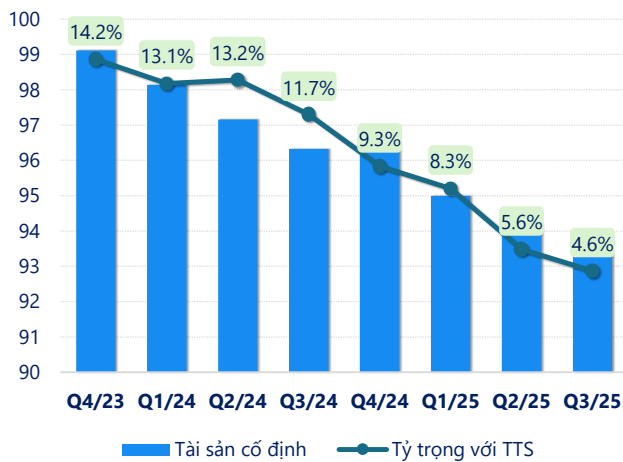
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


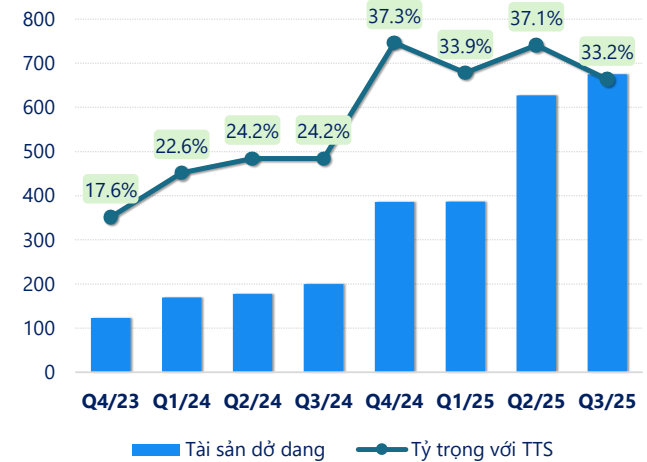
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

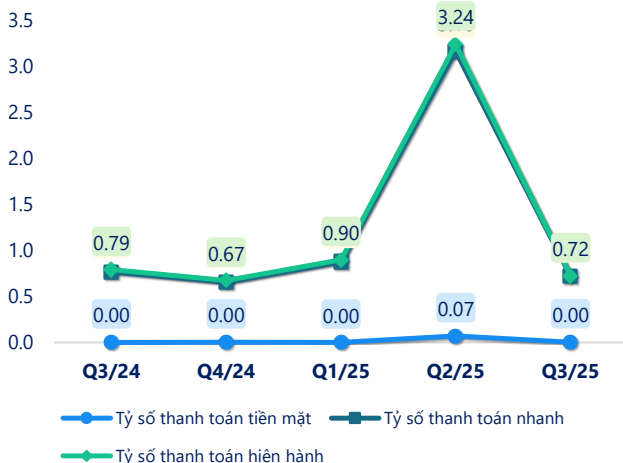
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

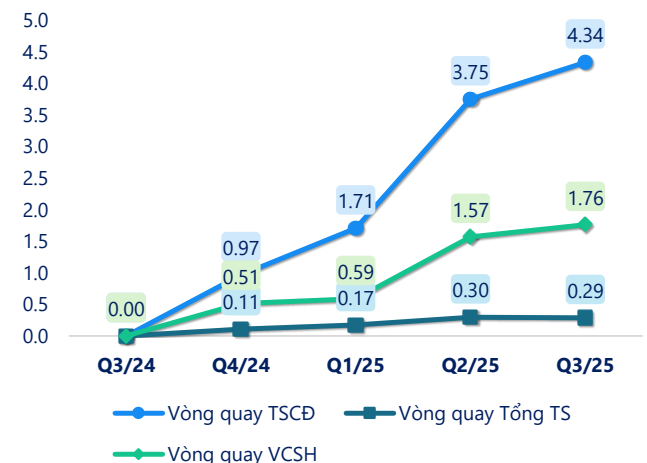
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	825	1,034	1,141	1,692	2,035
Tài sản ngắn hạn	529	552	659	914	1,248
Tiền và tương đương tiền	0.81	2.21	0.75	20.2	7.83
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	504	526	634	864	1,223
Hàng tồn kho	15.5	15.5	15.8	21.1	9.49
Tài sản ngắn hạn khác	8.25	8.25	8.42	8.72	8.34
Tài sản dài hạn	296	482	482	778	786
Phải thu dài hạn	0	0	0	56.5	0
Tài sản cố định	96.3	96.5	95.0	94.2	93.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	200	386	387	627	675
Đầu tư tài chính dài hạn	-0.26	-0.26	-0.17	0	18.0
Tài sản dài hạn khác	0.32	0.03	0.30	0.01	0.10
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	668	819	733	1,391	1,725
Nợ ngắn hạn	668	819	732	282	1,724
Vay và nợ thuê ngắn hạn	135	169	138	12.3	23.5
Phải trả người bán ngắn hạn	135	68.4	54.0	39.2	30.3
Nợ dài hạn	0	0.75	0.71	1,109	0.63
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.75	0.71	0.52	0.63
Nguồn vốn chủ sở hữu	157	214	408	301	310
Vốn chủ sở hữu	157	214	408	301	310
Vốn điều lệ	315	315	510	510	510
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)